

Bản án số: 06/2025/HSST
Ngày 23 tháng 7 năm 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Văn Thông;
2. Bà Vũ Thị Thanh Hương;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Đặng Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2025, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2025/TL-HSST ngày 21/3/2025, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2025/QĐXXST-HS ngày 24/4/2025, đối với bị cáo:

Đỗ Thị T (tên gọi khác: không), sinh ngày 04/9/1991 tại thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, nơi cư trú: tổ dân phố B, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã T, tỉnh Phú Thọ); Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn C, sinh năm 1960; con bà Vũ Thị H, sinh năm 1961; có chồng: Vũ Văn C1, sinh năm 1986; có 04 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Lê Thị H1, sinh năm 1981. Nơi cư trú: TDP B, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã T, tỉnh Phú Thọ), vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 5/2024, Đỗ Thị T đã giới thiệu cho chị Lê Thị H1, liên hệ và ký hợp đồng vay vốn số 3932024131 ngày 31/5/2024 với Ngân hàng L phòng G để vay số tiền hạn mức là 5.500.000.000đ (Năm tỷ năm trăm triệu đồng) và 01 thẻ tín dụng (tiêu trước trả sau) Visa Platinum hạn mức 200.000.000đ (Hai trăm triệu

đồng). Việc làm thủ tục vay vốn đối với trường hợp của chị H1 được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Sáng ngày 31/5/2024, chị H1 sang nhà T chơi, chị H1 có nhờ T giúp chị H1 làm thêm thẻ tín dụng tại Ngân hàng. T đồng ý và bảo chị H1 để T xem đã, có gì T sẽ bảo lại. Đến chiều cùng ngày, do cần tiền để tiêu xài cá nhân, nên T đã nảy sinh mục đích chiếm đoạt tài sản của chị H1. Sau đó, T đã lợi dụng việc chị H1 đang nhờ T làm thẻ tín dụng tại Ngân hàng giúp chị H1 để nhắn tin cho chị H1 thông tin không đúng sự thật là còn một suất làm thẻ Víp tại Ngân hàng, T đang xin cho chị H1 (thực tế khi này T chưa liên hệ với ai để làm thẻ cho chị H1). T bảo chị H1 sang nhà T để trao đổi về việc làm thẻ. Khi chị H1 sang nhà T thì T nói dối chị H1 là nếu làm thẻ Víp tại Ngân hàng thì sẽ được vay số tiền 500.000.000đ, tuy nhiên để làm được thẻ Víp này thì chị H1 phải nộp số tiền 130.000.000đ, trong đó: 100.000.000đ dùng để gia hạn thẻ, còn 30.000.000đ dùng để nâng cấp hạn mức tín dụng, toàn bộ số tiền 130.000.000đ này sẽ hoàn trả vào trong thẻ tín dụng ngân hàng cấp cho chị H1. Chị H1 đồng ý, tuy nhiên do chị H1 chưa có đủ số tiền 130.000.000đ nên chị H1 nói với T sẽ nộp trước số tiền 100.000.000đ, còn 30.000.000đ chị H1 xin nộp sau và nhờ T nếu có tiền thì ứng hộ chị H1. T đồng ý, rồi chị H1 đi về nhà. Sau khi chị H1 đi về, để cho chị H1 tin tưởng T đã sử dụng tài khoản messenger có đặt tên là “A thanh GD liên viet” do T sử dụng sim điện thoại rác để lập (T không nhớ số sim này), rồi tự nhắn tin đến tài khoản messenger “Lyly vũ” của T với nội dung “*Bảo cj gái em thanh toán hết thẻ tín dụng ngoài nhé! và chuyển 100 tr vào tài khoản của e rồi e nạp vào tài khoản a nhé bên tiên phong. Để gia hạn thẻ. Rồi tiền hoàn vào thẻ 100% nhé*” mục đích để giả mạo việc anh Phan Văn T1 – Giám đốc Ngân hàng L1 – Chi nhánh L2 nhắn tin cho T bảo chị H1 chuyển khoản 100.000.000 đồng vào tài khoản của T rồi T sẽ chuyển khoản cho anh T1 để gia hạn thẻ cho chị H1, rồi số tiền này sẽ hoàn vào thẻ 100%. Sau đó, T chụp lại đoạn tin nhắn này rồi gửi qua tài khoản zalo cho chị H1 để chị H1 tin tưởng đưa tiền cho T. Do tin tưởng T nên ngày 01/6/2024 chị H1 đã sử dụng tài khoản số 332688888888 mở tại ngân hàng L của chị H1 chuyển khoản số tiền 100.000.000đ vào tài khoản số 107866623666 mở tại Ngân hàng V1 của T; ngày 29/6/2024 chị H1 tiếp tục chuyển khoản cho T số tiền 10.000.000đ và ngày 01/7/2024 chị H1 chuyển khoản cho T nốt số tiền 20.000.000đ. Tổng số tiền T nhận của chị H1 là 130.000.000đ, toàn bộ số tiền này T đã sử dụng để tiêu sài cá nhân hết. Sau đó, do nhiều lần chị H1 giục T làm thẻ tín dụng cho chị H1 nên ngày 08/8/2024 T liên hệ với chị Phan Thị Khánh H2 - sinh năm 1993, trú tại thôn T- xã T- huyện B - tỉnh Vĩnh Phúc là nhân viên Ngân hàng TMCP Q (V2) để nhờ mở thẻ tín dụng cho chị H1. Ngày 12/8/2024, T gửi mặt trước và mặt sau Căn cước công dân của chị H1 qua Zalo cho chị H2 kiểm tra. Qua kiểm tra thông tin của chị H1 thì chị H1 không đủ điều kiện mở thẻ do thuộc nhóm nợ xấu. Sau đó, chị H2 đã thông báo lại việc này cho T biết. Ngoài

ra, T không liên hệ bất cứ cơ quan, tổ chức Ngân hàng nào để làm thủ tục mở thẻ tín dụng cho chị H1. Mặc dù, không làm được thẻ tín dụng cho chị H1 nhưng T cũng không trả lại số tiền 130.000.000đ cho chị H1. Để che giấu hành vi phạm tội, cũng như trốn tránh việc trả tiền cho chị H1, T đã sử dụng tài khoản messenger “A thanh GD liên việt” tự nhắn tin với tài khoản messenger “LyLy V” của T giả mạo việc T đang nhắn tin nói chuyện trao đổi với anh Phan Văn T1- Giám đốc Ngân hàng L- Phòng G về việc làm thẻ tín dụng cho chị H1. Sau khi nhắn tin xong T đã chụp màn hình và gửi qua zalo cho chị H1 để chị H1 tin tưởng là T đang liên hệ làm thẻ tín dụng cho chị H1.

Đến khoảng tháng 9/2024, do nhiều lần giục T làm thẻ tín dụng cho mình nhưng T vẫn không làm được nên chị H1 không đồng ý làm thẻ tín dụng nữa mà yêu cầu T lấy tiền về trả cho chị H1 nhưng T không trả lại tiền cho chị H1 mà nói dối chị H1 là đang làm thủ tục lấy tiền về cho chị H1. Sau nhiều lần yêu cầu T lấy tiền về trả mình không được nên chị H1 nói với T là chị H1 sẽ trực tiếp liên hệ với anh Phan Văn T1- Giám đốc Ngân hàng L- Phòng G để đòi tiền thì lúc này T thừa nhận việc T không sử dụng tiền của chị H1 để làm thẻ cho chị H1 mà đã tiêu sài cá nhân hết. Chị H1 tiếp tục nhiều lần đòi tiền T nhưng T vẫn không trả nên ngày 29/10/2024 chị H1 đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện V (cũ) trình báo sự việc và đề nghị xử lý T theo quy định của pháp luật.

Sau khi nhận được tin báo nêu trên, Cơ quan CSĐT Công an huyện V (cũ) đã tiến hành các hoạt động điều tra, xác minh theo quy định. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã tạm giữ 01 chiếc điện thoại di động Iphone 13 Promax bên trong gắn 01 thẻ sim điện thoại số 0394003519 của Đỗ Thị T. Ngày 06/11/2024, Đỗ Thị T tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 130.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu đồng*) để phắc phục hậu quả.

Tại cơ quan điều tra, Đỗ Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 37/CT-VKSVT ngày 20 tháng 3 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ) truy tố Đỗ Thị T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2, Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ luận tội đối với bị cáo Đỗ Thị T. Giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đỗ Thị T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; đề nghị áp dụng điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, khoản 1,2,5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Thị T từ 02 năm 09 tháng tù đến 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị phạt bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng nộp Ngân sách nhà nước.

Và đề nghị xử lý vật chứng vụ án theo quy định.

Bị cáo T nhất trí với nội dung bản luận tội của Viện kiểm sát và không có lời bào chữa nào khác.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin được hưởng mức án nhẹ nhất và được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V (cũ), Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường (cũ), Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng pháp luật.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T đã khai nhận toàn bộ về hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, bị cáo thừa nhận: Do cần tiền để tiêu sài cá nhân nên ngày 31/5/2024, bị cáo đã lợi dụng việc chị Lê Thị H1 đang nhờ bị cáo giúp chị H1 mở thẻ tín dụng (tiêu trước trả sau) để đưa ra thông tin gian dối là bị cáo đang xin cho chị H1 một suất thẻ Vip hạn mức 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) tại Ngân hàng, để làm được thẻ thì chị H1 phải nộp số tiền 130.000.000đ, trong đó: 100.000.000đ dùng để gia hạn thẻ, còn 30.000.000đ dùng để nâng cấp hạn mức tín dụng, toàn bộ số tiền 130.000.000đ này hoàn vào trong thẻ tín dụng cấp cho chị H1. Bị cáo bảo chị H1 phải chuyển số tiền 130.000.000đ này cho bị cáo để bị cáo sẽ chuyển số tiền này cho anh Phan Văn T1- Giám đốc Ngân hàng L phòng giao dịch L- Vĩnh Phúc để mở thẻ tín dụng cho chị H1. Chị H1 tin tưởng nên lần lượt các ngày 01/6/2024 chị H1 chuyển khoản cho bị cáo số tiền 100.000.000đ; ngày 29/6/2024 chị H1 chuyển khoản cho bị cáo số tiền 10.000.000đ; ngày 01/7/2024 chị H1 chuyển khoản cho bị cáo số tiền 20.000.000đ. Tổng số tiền chị H1 đã chuyển khoản cho bị cáo là 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng). Sau khi nhận được tiền do chị H1 chuyển khoản. Bị cáo đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền 130.000.000đ để sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

[3]. Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các lời khai, bản kiểm điểm của bị cáo, lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận hành vi đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt của chị H1 130.000.000đ của bị cáo Đỗ Thị T đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Điểm c Khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng...thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;"

[4]. Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây bất bình trong nhân dân. Vì vậy, cần phải đưa ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật và có hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, như vậy mới có tác dụng cải tạo giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe giáo dục, phòng ngừa chung.

[5]. Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ tránh nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo là người có nhân thân tốt; bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo có bố chồng được tặng thưởng huy chương chống Mỹ hạng nhất, huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng ba nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và hiện nay bị cáo đang phải nuôi dưỡng, chăm sóc 04 con còn rất nhỏ, do vậy thể hiện tính khoan hồng của pháp luật không nhất thiết phải áp dụng hình phạt tù giam với bị cáo mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giáo dục, C2 cũng đủ điều kiện để bị cáo cải tạo thành người công dân có ích cho xã hội như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng". Xét thấy

bị cáo chiếm đoạt tài sản với mục đích tư lợi do đó cần xử phạt bị cáo một khoản tiền nhất định để nộp ngân sách nhà nước.

[6]. Về xử lý vật chứng của vụ án:

Đối với số tiền 130.000.000đ Thúy giao nộp cho Cơ quan điều tra, đây là tiền T sử dụng để bồi thường, khắc phục hậu quả cho chị H1. Do vậy, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý tài sản trả lại cho chị H1 số tiền 130.000.000đ.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động Iphone 13 Promax bên trong gắn 01 thẻ sim điện thoại số 0394003519 của Đỗ Thị T. Quá trình điều tra xác định T đã sử dụng chiếc điện thoại và dữ liệu di động của sim thuê bao nêu trên để đăng nhập tài khoản Zalo, messenger đều có tên “LyLy V” của T để nhắn tin với nội dung gian dối, lừa đảo chiếm đoạt số tiền 130.000.000đ của chị H1 nên cần tịch thu bán phát mại sung Ngân sách Nhà nước đối với chiếc điện thoại và tịch thu tiêu hủy đối với thẻ sim điện thoại.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo T đã bồi thường cho chị H1 số tiền 130.000.000đ. Chị H1 đã nhận đủ tiền và không yêu cầu T phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về án phí: Bị cáo Đỗ Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Thị T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1,2,5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Thị T 03 (Ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đỗ Thị T cho UBND xã T, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trường hợp bị cáo T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Đỗ Thị T 30.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Đỗ Thị T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 10-Phú Thọ;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 10-Phú Thọ;
- Công an tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Thổ Tang – Phú Thọ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS+Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Huyền

